TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** _____

Bản án số:206/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 9 năm 2019
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trịnh Văn Bé;
2. Ông Huỳnh Thanh Tuấn.

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang***: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 301/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày: bà và Ông Trần Minh T, chung sống với nhau vào năm 2006 đến năm 2008 hôn nhân do tự tìm hiểu và được 02 bên gia đình chấp nhận đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại xã N, huyện C, tỉnh An Giang; cuộc sống vợ chồng thời gian đầu sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, ông T thường hay ăn nhậu không lo cuộc sống chung của gia đình. Sau đó được hai bên gia đình hàn gắn cuộc sống chung giữa bà và ông T, nhưng đến tháng 11 năm 2018 thì tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống cho đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

- *Về quan hệ con chung:* bà và ông T có 02 con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 12/6/2007 và Trần Minh K, sinh ngày 25/01/2013; hiện tại 02 con chung đang sống với bà và ông T. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung:* bà và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ nợ chung:* không có.

* **Bị đơn:** Ông Trần Minh T trình bày thống nhất với bà M về thời gian chung sống của vợ chồng, nhưng nguyên nhân mâu thuẩn là do ông làm công nhân cho lò gạch nên anh em làm chung có rủ ông uống rượu, sau đó ông về nhà thì không thấy bà M ở nhà nên sang nhà cha, mẹ vợ tìm thì thấy vợ về nhà cha, mẹ vợ ở; sau đó ông có năn nỉ vợ về sống chung nhưng vợ không đồng ý nên vợ chồng ly thân từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay. Nay, vợ xin ly hôn ông không đồng ý vì còn thương vợ, con muốn hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình để tiếp tục lo cuộc sống cho con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn Ông Trần Minh T đã được tống đạt các Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng hôm nay ông T vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là đúng theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị M xin ly hôn với Ông Trần Minh T. Ông T có nơi cư trú tại ấp Mỹ Thành, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* bà Trần Thị M, Ông Trần Minh T xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống mâu thuẩn ngày càng trầm trọng; hiện tại tình cảm hôn nhân giữa bà M, ông T không thể tồn tại; nên bà M xin ly hôn với ông T; nhưng ông T cho rằng hiện tại ông T còn thương vợ, con và muốn hàn gắn tình cảm vợ, chồng; Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện về thời gian để ông T và bà M hàn gắn tình cảm hôn nhân nhưng ông T, bà M không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ, chồng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy mối quan hệ vợ chồng giữa bà M, ông T không thể hàn gắn được, mâu thuẩn phát sinh ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị M xin ly hôn với Ông Trần Minh T là phù hợp được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- **Về quan hệ con chung**: bà và ông T có 02 con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 12/6/2007 và Trần Minh K, sinh ngày 25/01/2013; hiện tại 02 con chung đang sống với bà và ông T. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá

trình Tòa án giải quyết vụ án và ghi nhận ý kiến của cháu Trần Minh T cháu trí có nguyện vọng được ăn ở, sinh hoạt, học tập với mẹ là bà M. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu Minh Trí và cháu Minh Khá cho bà M được tiếp tục trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, do bà M không yêu cầu. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Ông T không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nôm và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- **Về quan hệ tài sản chung:** bà M, ông T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- **Về quan hệ nợ chung:** ghi nhận bà M, ông T trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà M, ông T trong thời kỳ hôn nhân thì bà M, ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] **Về án phí**: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M.

2. Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị M được ly hôn với Ông Trần Minh T.

3. Về quan hệ con chung: bà M được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 12/6/2007 và Trần Minh K, sinh ngày 25/01/2013. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nôm và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quan hệ tài sản chung: bà M, ông T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về quan hệ nợ chung: ghi nhận bà M, ông T trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà M, ông T trong thời kỳ hôn nhân thì bà M, ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6. **Về án phí dân sự sơ thẩm**: bà M phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm là 300.000^{đ} (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^{đ} (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012941ngày 22/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà M đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Trần Thị M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Trần Minh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Quang Thanh